

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HN-ST
Ngày: 24/4/2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Mười**

2. Ông Trần Văn Tiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thu Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 558/2017/TLST- HN ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lư Thị Thu C**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú hiện tại: ấp E, xã F, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa bà C có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lư Thị Thu C trình bày:

Bà và ông H tìm hiểu nhau một năm và tự nguyện chung sống vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1996. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại của cha mẹ ruột của bà. Bà và ông H chung sống hạnh phúc được 15 năm. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Nguyễn T sinh ngày 15/02/1986; Nguyễn Thành sinh ngày 01/02/1990 và Nguyễn Ngọc Thảo H sinh ngày 12/7/1993. Tháng 10 năm 2012 bà và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà phát hiện

ông H chung thủy với vợ, ông H không chịu lo làm ăn chỉ lo cờ bạc từ đó đời sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Bà và ông H đã sống ly thân nhau hơn sáu năm. Bà xác định hiện tại không còn tình cảm với ông H, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Sau khi ly hôn bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho bà.

Về con chung: bà và ông H có 03 con chung tên Nguyễn T sinh ngày 15/02/1986; Nguyễn T1 sinh ngày 01/02/1990 và Nguyễn Ngọc Thảo H sinh ngày 12/7/1993 đều đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng ông Nguyễn Văn H không có mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của bà C và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy ông H và bà C hiện tại đang sống ly thân. Tòa án nhiều lần triệu tập ông H nhưng ông vẫn vắng mặt chứng tỏ ông không có quan tâm đến hôn nhân giữa ông và bà C. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lư Thị Thu C. Về con chung: đã trưởng thành. Tài sản chung: bà C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho bà sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Lư Thị Thu C và ông Nguyễn Văn H sống chung vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1996, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà C yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Bà C trình bày sau khi kết hôn bà và ông H chung sống hạnh phúc được 15 năm. Đến tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không chung thủy, không quan tâm đến gia đình mà chỉ lo cờ bạc. Từ khoảng hơn sáu năm nay bà và ông H đã ly thân với nhau. Tại phiên tòa bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải nhiều lần cho bị đơn ông Nguyễn Văn H để hòa giải với bà C, nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án đã tiến

hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện C tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, cho biết bà C và ông H đã sống ly thân hơn hai năm. Đây là một khoảng thời gian dài để bà C và ông H có thể suy nghĩ và bàn bạc pH án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông bà vẫn không làm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H vẫn không đến tham dự phiên hoà giải. Điều đó cho thấy, ông H không thể hiện thiện chí đưa ra biện pháp để vợ chồng quay về đoàn tụ, tại phiên tòa bà C vẫn cương quyết xin ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lư Thị Thu C.

[5] Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của C là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà C và ông H có 03 con chung tên 03 con chung tên Nguyễn T sinh ngày 15/02/1986; Nguyễn T1 sinh ngày 01/02/1990 và Nguyễn Ngọc Thảo H sinh ngày 12/7/1993 đều đã trưởng thành, Tòa án không xem xét.

[7] Về tài sản chung: bà C xác định tự thỏa thuận, bà C không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ chung: bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lư Thị Thu C đối với ông Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: bà Lư Thị Thu C được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà C và ông H có 03 con chung tên 03 con chung tên Nguyễn T sinh ngày 15/02/1986; Nguyễn T1 sinh ngày 01/02/1990 và Nguyễn Ngọc Thảo H sinh ngày 12/7/1993 đều đã trưởng thành, Tòa án không xem xét.

Ghi nhận bà Lư Thị Thu C tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho bà sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: bà C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà C khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà C phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013351 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Lư Thị Thu C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Ánh